

CHÍNH PHỦ
Số: 79/2002/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 10 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính.

Điều 2. Định nghĩa Công ty Tài chính

Công ty Tài chính là loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng, với chức năng là sử dụng vốn tự có, vốn huy động và các nguồn vốn khác để cho vay, đầu tư; cung ứng các dịch vụ tư vấn về tài chính, tiền tệ và thực hiện một số dịch vụ khác theo quy định của pháp luật, nhưng không được làm dịch vụ thanh toán, không được nhận tiền gửi dưới 1 năm.

Điều 3. Hình thức thành lập

Công ty Tài chính được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới các hình thức sau:

- Công ty Tài chính Nhà nước: là Công ty Tài chính do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh.
- Công ty Tài chính cổ phần: là Công ty Tài chính do các tổ chức và cá nhân cùng góp vốn theo quy định của pháp luật, được thành lập dưới hình thức Công ty cổ phần.
- Công ty Tài chính trực thuộc của tổ chức tín dụng: là Công ty Tài chính do một tổ chức tín dụng thành lập bằng vốn tự có của mình và làm chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, hạch toán độc lập và có tư cách pháp nhân.
- Công ty Tài chính liên doanh: là Công ty Tài chính được thành lập bằng vốn góp giữa bên Việt Nam gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam và bên nước ngoài gồm một hoặc nhiều tổ

chức tín dụng nước ngoài, trên cơ sở hợp đồng liên doanh.

5. Công ty Tài chính 100% vốn nước ngoài: là Công ty Tài chính được thành lập bằng vốn của một hoặc của nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Vốn pháp định

Vốn pháp định của Công ty Tài chính được Chính phủ quy định. Việc thay đổi mức vốn pháp định của Công ty Tài chính do Chính phủ quyết định.

Điều 5. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty Tài chính tại Việt Nam không quá 50 năm. Trường hợp cần gia hạn thời hạn hoạt động phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) chấp thuận. Mỗi lần gia hạn không quá 50 năm.

Điều 6. Giải thích thuật ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhận ủy thác là việc Công ty Tài chính sử dụng vốn ủy thác để cho vay hoặc đầu tư vào các dự án, công trình trên cơ sở hợp đồng ủy thác giữa bên ủy thác và Công ty Tài chính.
2. Bao thanh toán là hình thức chiết khấu chứng từ nhằm tài trợ tín dụng đối với doanh nghiệp, trên cơ sở mua lại các khoản nợ phải thu của các doanh nghiệp phát sinh từ việc bán hàng trả chậm, thực hiện việc quản lý hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán cho các doanh nghiệp.

Điều 7. Quản lý Nhà nước

Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm về quản lý Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính, cấp và thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; giám sát và thanh tra hoạt động của các Công ty Tài chính tại Việt Nam; ban hành các văn bản hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính; thực hiện những nhiệm vụ quản lý Nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

Tổ chức và điều hành Công ty tài chính

Mục 1

Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động

Điều 8. Điều kiện cấp giấy phép

1. Điều kiện để được cấp giấy phép thành lập và hoạt động đối với Công ty Tài chính (dưới đây gọi tắt là giấy phép) gồm:

- a) Có nhu cầu về hoạt động của Công ty Tài chính;
- b) Có đủ vốn pháp định theo quy định của Chính phủ;

- c) Thành viên sáng lập là các tổ chức, cá nhân có uy tín và năng lực tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- d) Người quản trị, điều hành có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của Công ty Tài chính;
- đ) Có Điều lệ tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật;
- e) Có dự thảo phương án kinh doanh khả thi.

2. Ngoài các điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này, bên nước ngoài trong Công ty Tài chính liên doanh, Công ty Tài chính 100% vốn nước ngoài cần phải thoả mãn các điều kiện sau đây:

- a) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thực hiện các hoạt động ngân hàng hoặc các hoạt động của Công ty Tài chính;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép hoạt động tại Việt Nam.

Điều 9. Hồ sơ cấp giấy phép

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép gồm:

- a) Đơn xin cấp giấy phép; trong đó nêu rõ các nghiệp vụ xin phép hoạt động;
- b) Dự thảo điều lệ;
- c) Phương án hoạt động 3 năm đầu, trong đó nêu rõ hiệu quả và lợi ích kinh tế trong hoạt động của Công ty Tài chính;
- d) Danh sách, lý lịch, các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của thành viên sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc);
- đ) Mức vốn góp, phương án góp vốn và danh sách những cá nhân, tổ chức góp vốn;
- e) Tình hình tài chính và các thông tin có liên quan về các cổ đông lớn;
- g) Chấp thuận của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về nơi đặt trụ sở của Công ty Tài chính.

2. Ngoài các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều này, hồ sơ xin cấp giấy phép đối với Công ty Tài chính liên doanh và Công ty Tài chính 100% vốn nước ngoài còn bao gồm:

- a) Điều lệ của các bên góp vốn;
- b) Giấy phép của các bên góp vốn;
- c) Văn bản của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cho phép bên nước ngoài hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty Tài chính liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài;
- d) Bảng cân đối tài chính, bảng kết quả lãi, lỗ đã được kiểm toán và báo cáo tình hình hoạt động 3 năm gần nhất của các bên góp vốn;

đ) Hợp đồng liên doanh đối với Công ty Tài chính liên doanh.

3. Hồ sơ xin cấp giấy phép đối với các Công ty Tài chính liên doanh và Công ty Tài chính 100% vốn nước ngoài được lập thành 2 bộ, một bộ bằng tiếng Việt Nam và một bộ bằng tiếng Anh những tài liệu trong bộ hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hoá lãnh sự. Các bản sao bằng tiếng Việt Nam và các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt Nam phải được cơ quan công chứng Việt Nam hoặc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài xác nhận.

Điều 10. Lệ phí cấp giấy phép

Công ty Tài chính được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép phải nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 11. Thời hạn cấp và sử dụng giấy phép

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ xin cấp giấy phép đối với Công ty Tài chính, Ngân hàng Nhà nước phải cấp hoặc từ chối cấp giấy phép. Trong trường hợp từ chối cấp giấy phép, Ngân hàng Nhà nước phải có văn bản giải thích lý do.
2. Tại Giấy phép cấp cho Công ty Tài chính, Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể các hoạt động nghiệp vụ Công ty Tài chính được thực hiện.
3. Công ty Tài chính được cấp phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động đúng nội dung quy định trong giấy phép. Cấm làm giả, tẩy xoá, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn giấy phép.

Điều 12. Điều kiện khai trương hoạt động

1. Để tiến hành hoạt động, Công ty Tài chính được cấp giấy phép phải có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Có điều lệ được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y;
 - b) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; có đủ vốn pháp định và có trụ sở phù hợp với yêu cầu hoạt động của Công ty Tài chính;
 - c) Phần vốn pháp định góp bằng tiền phải được gửi vào tài khoản phong toả không được hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước trước khi hoạt động tối thiểu 30 ngày. Số vốn này chỉ được giải toả sau khi Công ty Tài chính khai trương hoạt động;
 - d) Có văn bản pháp lý về quyền sở hữu hoặc quyền được phép sử dụng trụ sở chính của Công ty Tài chính tại Việt Nam;
 - đ) Đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về những nội dung quy định trong giấy phép.
2. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép, Công ty Tài chính được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép phải khai trương hoạt động.

Điều 13. Thu hồi giấy phép

Việc thu hồi giấy phép của các Công ty Tài chính được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Mục 2

Tổ chức, quản trị, điều hành và kiểm soát của Công ty tài chính

Điều 14. Mở chi nhánh, văn phòng đại diện và thành lập công ty trực thuộc

1. Công ty Tài chính được mở chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước, ngoài nước sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
2. Công ty Tài chính được thành lập công ty trực thuộc, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập để hoạt động dịch vụ tài chính, tiền tệ, môi giới, bảo hiểm, chứng khoán và tư vấn theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở chi nhánh, văn phòng đại diện và thành lập công ty trực thuộc

Điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở chi nhánh và văn phòng đại diện, thành lập công ty trực thuộc của Công ty Tài chính được áp dụng theo Điều 33 Luật Các tổ chức tín dụng và theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 16. Quản trị, điều hành và kiểm soát

Việc quản trị, điều hành, kiểm soát, hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ Công ty Tài chính được thực hiện theo quy định tại Mục 3 và Mục 4 Chương II Luật Các tổ chức tín dụng và theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Chương III

Hoạt động của Công ty tài chính

Mục 1

Huy động vốn

Điều 17. Các hình thức huy động vốn:

Công ty Tài chính được huy động vốn từ các nguồn sau:

1. Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên của tổ chức, cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Phát hành kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước, ngoài nước và các tổ chức tài chính quốc tế.
4. Tiếp nhận vốn uỷ thác của Chính phủ, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

Mục 2

Hoạt động tín dụng